

BÁO CÁO

**Kết quả Giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 08/2016/HĐND
ngày 24 tháng 10 năm 2016 và Nghị quyết số 41/2022/HĐND
ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình về Ban hành quy định
một số chế độ, định mức bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng nhân dân
các cấp tỉnh Quảng Bình**

Thực hiện Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 31/12/2022 về Chương trình giám sát của Thường trực HĐND huyện năm 2023; Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 12/02/2023 của Thường trực HĐND huyện về thành lập Đoàn Giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 08/2016/HĐND ngày 24 tháng 10 năm 2016 và Nghị quyết số 41/2022/HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình về Ban hành quy định một số chế độ, định mức bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Bình (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 08/2016 và Nghị quyết số 41/2022), căn cứ báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát, Thường trực Hội đồng nhân dân huyện báo cáo kết quả giám sát, với các nội dung cụ thể như sau:

I. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm tình hình chung của huyện Tuyên Hóa trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 08/2016 và Nghị quyết số 41/2022

Với đặc điểm là huyện miền núi, có tổng diện tích tự nhiên 112.869,4 ha; toàn huyện có 19 đơn vị hành chính, gồm thị trấn Đồng Lê và 18 xã (đầu năm 2020 sáp nhập xã Thạch Hóa và Nam Hóa thành xã Thạch Hóa). Dân số toàn huyện là 80.030 người, trong đó, Thiên Chúa giáo là 18.751 tín đồ, Phật giáo có 961 phật tử, đồng bào dân tộc thiểu số có 846 người. Có 70% lao động hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp.

Triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện từ năm 2016 đến nay, trong bối cảnh có một số thuận lợi cơ bản đó là: tình hình kinh tế - xã hội của huyện tiếp tục có bước phát triển khá, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân từng bước được nâng lên; tiềm năng, thế mạnh của huyện tiếp tục được phát huy. Tình hình trong Nhân dân ổn định, đoàn kết, đồng thuận cao; thêm vào đó là sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND, Ủy ban Mặt

trận TQVN tỉnh; giúp đỡ, hỗ trợ tích cực các sở, ban, ngành cấp tỉnh đã tạo thuận lợi cơ bản để huyện thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của huyện đề ra.

Bên cạnh những thuận lợi cơ bản, huyện nhà phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Do huyện miền núi, xuất phát điểm thấp, thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai, hai trận lũ lớn năm 2016, trận siêu bão năm 2017; giai đoạn 2019 - 2022, phải chịu ảnh hưởng của thời tiết như rét đậm, rét hại, mưa lớn kết hợp lốc xoáy; dịch tả lợn Châu Phi xảy ra tại nhiều xã, bệnh viêm da nổi cục trên trâu bò xảy ra trên địa bàn huyện; đặc biệt, dịch Covid-19 diễn ra trên địa bàn, gây ảnh hưởng rất lớn đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống của Nhân dân. Thu cân đối ngân sách huyện hàng năm mặc dù đạt và vượt kế hoạch đề ra, tuy nhiên chỉ mới đáp ứng được từ 15% - 17% so với nhu cầu chi ngân sách của toàn huyện, do đó nguồn chi ngân sách của huyện và các xã, thị trấn chủ yếu được bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên. Vì vậy, ngân sách cấp xã rất khó khăn để bảo đảm thực hiện các chế độ, định mức cho hoạt động của HĐND xã theo Nghị quyết số 08/2016 và Nghị quyết số 41/2022.

Trong bối cảnh đó, huyện đã chỉ đạo thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả thiên tai, phòng chống dịch bệnh, đồng thời đẩy mạnh triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho người dân, doanh nghiệp. Cùng với sự nỗ lực, quyết tâm cao của chính quyền các cấp, các ngành; sự đồng thuận, vượt qua khó khăn của Nhân dân nên tình hình kinh tế - xã hội của huyện đã có nhiều chuyển biến tích cực: kinh tế duy trì tốc độ tăng trưởng khá; lĩnh vực văn hóa xã hội tiếp tục được chú trọng; quốc phòng - an ninh được tăng cường, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, đời sống của Nhân dân tiếp tục được nâng lên.

2. Về số lượng, cơ cấu đại biểu HĐND cấp xã:

2.1. Nhiệm kỳ 2016 - 2021: có 494 đại biểu HĐND cấp xã, trong đó cơ cấu:

- + Nữ: 142/494 đại biểu, chiếm tỷ lệ 28,75%;
- + Trẻ dưới 40 tuổi 127/494 đại biểu, chiếm tỷ lệ 25,71%;
- + Ngoài Đảng 72/494 đại biểu, chiếm tỷ lệ 14,57%;
- + Dân tộc 5/494 đại biểu, chiếm tỷ lệ 1,01%;
- + Tôn giáo 38/494 đại biểu, chiếm tỷ lệ 7,69%.

- Số lượng các Ban HĐND: mỗi xã, thị trấn có 02 Ban (Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế).

2.2. Nhiệm kỳ 2021 - 2026: có 390 đại biểu, giảm 104 đại biểu so với nhiệm kỳ 2016 - 2021, về cơ cấu:

- + Nữ: 99/390 đại biểu, chiếm tỷ lệ 25,38%;

- + Trẻ dưới 40 tuổi 110/390 đại biểu, chiếm tỷ lệ 28,21%;
- + Ngoài Đảng 37/390 đại biểu, chiếm tỷ lệ 9,49%;
- + Dân tộc 3/390 đại biểu, chiếm tỷ lệ 0,77%;
- + Tôn giáo 23/390 đại biểu, chiếm tỷ lệ 5,9%.

- Số lượng các Ban HĐND: mỗi xã, thị trấn có 02 Ban (Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả thực hiện Nghị quyết số 08/2016

1.1. Về tiêu chuẩn, định mức; dự toán thực hiện

- Ưu điểm

Thực hiện Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định, tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị và phương tiện làm việc của cơ quan và cán bộ, công chức, viên chức nhà nước; Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các Hội nghị đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị quyết số 08/2016 ngày 24/10/2016; Quyết định phân bổ ngân sách hàng năm của UBND huyện, căn cứ Tờ trình về phân bổ ngân sách của UBND các xã, thị trấn, HĐND các xã, thị trấn đã phân bổ ngân sách phục vụ các hoạt động, trong đó có kinh phí bảo đảm cho hoạt động của HĐND theo quy định.

Trên cơ sở Nghị quyết số 08/2016, Nghị quyết số 41/2022 và Quyết định phân bổ ngân sách của UBND huyện, UBND các xã, thị trấn lập dự toán chu, chi ngân sách địa phương, tổng hợp, báo cáo Thường trực HĐND xem xét cho ý kiến đề trình HĐND quyết định, bao gồm kinh phí bảo đảm cho hoạt động của HĐND theo Nghị quyết số 08/2016 giai đoạn 2016 - 2022 và Nghị quyết số 41/2022 bắt đầu thực hiện từ 20/12/2022. Trong 03 năm, từ năm 2021 đến 2023, tổng kinh phí các xã, thị trấn phân bổ thực hiện chế độ, định mức bảo đảm cho hoạt động của HĐND theo Nghị quyết số 08/2016 và Nghị quyết số 41/2022 là 3.124.664.600 đồng (đã bao gồm ngân sách huyện phân bổ).

Trong đó, năm 2021: 920.694.600 đồng; năm 2022: 1.174.434.000 đồng; năm 2023: 1.029.536.000 đồng. Cụ thể như sau:

(đơn vị tính Triệu đồng)

TT	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Tổng
1	Lâm Hóa	64.000.000	90.240.000	97.980.000	252.220.000
2	Thanh Hóa	51.732.600	43.622.000	75.000.000	170.354.600

3	Thanh Thạch	35.810.000	54.310.000	55.440.000	145.560.000
4	Hương Hóa	46.873.000	93.332.000	64.880.000	205.085.000
5	Kim Hóa	72.400.000	87.440.000	86.080.000	245.920.000
6	Lê Hóa	40.000.000	58.000.000	62.100.000	160.100.000
7	Thuận Hóa	52.600.000	76.480.000	61.880.000	190.960.000
8	TT Đồng Lê	76.400.000	40.728.000	40.000.000	157.128.000
9	Sơn Hóa	39.536.000	70.152.000	67.152.000	176.840.000
10	Đồng Hóa	30.000.000	44.000.000	30.000.000	104.000.000
11	Thạch Hóa	30.000.000	30.000.000	30.000.000	90.000.000
12	Đức Hóa	30.000.000	59.460.000	40.000.000	129.460.000
13	Phong Hóa	64.844.000	117.764.000	86.264.000	268.872.000
14	Ngư Hóa	48.000.000	50.000.000	47.000.000	145.000.000
15	Mai Hóa	45.823.000	45.348.000	44.000.000	135.171.000
16	Châu Hóa	50.000.000	50.000.000	40.000.000	140.000.000
17	Cao Quảng	30,000,000	30,000,000	30,000,000	90,000,000
18	Tiến Hóa	63.963.000	56.148.000	41.760.000	161.871.000
19	Văn Hóa	48.713.000	77.410.000	30.000.000	156.123.000
Tổng cộng		920.694.600	1.174.434.000	1.029.536.000	3.124.664.600

Cùng với số lượng kinh phí ngân sách huyện phân bổ, hàng năm một số xã, thị trấn đã quan tâm phân bổ ngân sách cấp mình phục vụ cho hoạt động của HĐND đạt khá, cụ thể:

Năm 2021, thị trấn Đồng Lê phân bổ thêm 46,4 triệu đồng, Kim Hóa 42,4 triệu đồng, Phong Hóa 34,8 triệu đồng, Lâm Hóa 34 triệu đồng, Tiến Hóa 33,9 triệu đồng.

Năm 2022: xã Phong Hóa phân bổ thêm 87,7 triệu đồng, Hương Hóa 63,3 triệu đồng, Lâm Hóa 60,2 triệu đồng, Kim Hóa 57,4 triệu đồng, Văn Hóa 47,41 triệu đồng, Thuận Hóa 46,48 triệu đồng, Sơn Hóa 40,1 triệu đồng ...

Năm 2023: xã Lâm Hóa phân bổ thêm 67,9 triệu đồng, Kim Hóa 56,08 triệu đồng, Phong Hóa 52,2 triệu đồng, Thanh Hóa 45,4 triệu đồng, Sơn Hóa 37,1 triệu đồng, Hương Hóa 34,8 triệu đồng, Lê Hóa 32,1 triệu đồng, Thuận Hóa 31,8 triệu đồng.

- Tôn tại, hạn chế

Thường trực HĐND các xã, thị trấn chưa xây dựng, ban hành các văn bản quy định nội dung chi, mức chi bảo đảm cho hoạt động của HĐND theo yêu cầu của Nghị quyết số 08/2016.

Phân bổ ngân sách hàng năm để thực hiện Nghị quyết số 08/2016 của một số xã đạt thấp, chưa đạt 50% theo quy định, cụ thể:

Năm 2021, bình quân 48 triệu đồng/xã, thị trấn, đạt 27,4% dự toán;

Năm 2022, bình quân 61 triệu đồng/xã, thị trấn, đạt 35,3% dự toán;

Năm 2023, bình quân 54 triệu đồng/xã, thị trấn, đạt 30,9% dự toán.

Ngoài 30 triệu đồng được huyện phân bổ, một số xã không phân bổ, điều tiết thêm ngân sách bảo đảm hoạt động của HĐND theo Nghị quyết số 08/2016 và Nghị quyết 41/2022 (xã Cao Quảng, Thạch Hóa), một số xã phân bổ nhưng rất thấp (xã Đồng Hóa, Đức Hóa, Mai Hóa, Thanh Thạch, Châu Hóa);

2. Giải quyết, thực hiện các chế độ, chính sách

- Ưu điểm:

Các xã, thị trấn đã quan tâm giải quyết một số chế độ cho các đối tượng cơ bản theo đúng quy định, không có trường hợp chi vượt mức chi theo định mức của HĐND tỉnh quy định.

Một số chế độ, chính sách được quy định tại Nghị quyết số 08/2016 được giải quyết khá kịp thời, đáp ứng một phần cho hoạt động của HĐND cấp xã.

Trên cơ sở 21 mục và 31 nội dung chi, mức chi được quy định tại Nghị quyết số 08/2016; căn cứ ngân sách được phân bổ, các xã, thị trấn đã cân đối để triển khai thực hiện. Kết quả cụ thể như sau:

2.1. Chế độ chi cho Chủ tọa kỳ họp, Thư ký kỳ họp: năm 2021 có 18/19 xã, thị trấn thực hiện; năm 2022 có 17/19 xã, thị trấn thực hiện.

2.2. Hoàn thiện và ban hành các nghị quyết của HĐND theo sự phân công của Thường trực HĐND: có 13/19 xã, thị trấn thực hiện.

2.3. Xây dựng báo cáo thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết trình tại kỳ họp: năm 2021, có 13/19 xã, thị trấn thực hiện; năm 2022, có 15/19 xã, thị trấn thực hiện.

2.4. Giám sát của đại biểu HĐND tại kỳ họp: năm 2021, có 11/19 xã, thị trấn thực hiện; năm 2022, có 12/19 xã, thị trấn thực hiện;

2.5. Bố trí địa điểm ăn, nghỉ của đại biểu HĐND và khách mời ở địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn tham dự kỳ họp: năm 2021, có 11/19 xã, thị trấn thực hiện; năm 2022, có 12/19 xã, thị trấn thực hiện.

2.6. Hỗ trợ các điểm tiếp xúc cử tri để: Trang trí, khánh tiết, hội trường, điện nước, âm thanh, nước uống ... và một số khoản chi khác: năm 2021, có 11/19 xã, thị trấn thực hiện; năm 2022, có 18/19 xã, thị trấn thực hiện;

2.7. Hỗ trợ may trang phục theo nhiệm kỳ: có 13/19 xã, thị trấn thực hiện.

2.8. Chi hoạt động giám sát tại các cuộc họp, hội nghị của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND: năm 2021, có 8/19 xã, thị trấn thực hiện; năm 2022, có 9/19 xã, thị trấn thực hiện.

2.9. Phụ cấp kiêm nhiệm cho Trưởng Ban, Phó Trưởng ban HĐND: năm 2021, có 18/19 xã, thị trấn thực hiện; năm 2022, có 17/19 xã, thị trấn thực hiện.

Đối với kết quả thực hiện các nội dung chi của các đơn vị, cụ thể như sau:

Năm 2021, có 02 xã thực hiện 15/31 nội dung (Lê Hóa, Văn Hóa); 02 xã thực hiện 14/31 nội dung (Lâm Hóa, Châu Hóa); 04 xã thực hiện 13/31 nội dung (Thanh Hóa, Thạch Hóa, Phong Hóa, Ngự Hóa); Mai Hóa thực hiện 12/31 nội dung; 04 xã, thị trấn thực hiện 11/31 nội dung (Thanh Thạch, Hương Hóa, Kim Hóa, TT Đông Lê); Sơn Hóa thực hiện 10/31 nội dung; các xã còn lại thực hiện dưới 10 nội dung.

Năm 2022, có 04 xã thực hiện đạt từ 15 đến 17/31 nội dung (Lê Hóa, Mai Hóa, Châu Hóa, Ngự Hóa); có 13 xã, thị trấn thực hiện đạt từ 10 đến 14/31 nội dung; có 02 đơn vị thực hiện đạt dưới 10 nội dung (Thanh Hóa, Đông Hóa).

(có phụ lục kèm theo)

- Tồn tại, hạn chế

Nhu cầu kinh phí để thực hiện Nghị quyết số 08/2016, theo dự toán hàng năm bình quân trên 175 triệu đồng/xã, thị trấn. Tuy nhiên, kinh phí phân bổ của các xã, thị trấn bình quân đạt chỉ từ 27,4% đến 35,5% dự toán.

Một số xã ngoài 30 triệu đồng do ngân sách huyện cấp, không phân bổ, điều tiết thêm ngân sách xã, nên một số mục chi, nội dung chưa được triển khai thực hiện, như: chế độ cho đại biểu nghiên cứu nghị quyết, đề án trình HĐND tại kỳ họp (năm 2021, có 14 đơn vị không thực hiện; năm 2022 có 11 đơn vị không thực hiện); hỗ trợ khai thác, nghiên cứu tài liệu cho đại biểu HĐND chuyên trách hàng tháng (năm 2021 có 18 đơn vị không thực hiện; năm 2022 có 17 đơn vị không thực hiện; Hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ cho đại biểu HĐND (có 18 đơn vị không thực hiện) ...

Một số xã chỉ thực hiện đạt dưới 10/31 nội dung (Thuận Hóa 07/31; Đông Hóa 08/31; Tiến Hóa, Cao Quảng 9/31, riêng xã Đức Hóa chỉ thực hiện được 03/31 nội dung).

Đến nay, vẫn còn 6 xã chưa hỗ trợ may trang phục nhiệm kỳ 2021 - 2026 cho đại biểu HĐND (xã Thanh Hóa, Thanh Thạch, Đông Hóa, Thạch Hóa, Châu Hóa, Tiến Hóa).

3. Công tác thanh quyết toán ngân sách

- Việc lập báo cáo quyết toán hàng tháng, quý, năm: kinh phí bảo đảm hoạt động của HĐND được đưa vào dự toán ngân sách hàng năm và quyết toán với ngân sách cùng cấp. Vì vậy, hàng tháng, hàng quý, công chức Kế toán ngân sách tiến hành đối chiếu tình hình thực hiện dự toán ngân sách tại Kho bạc nhà nước; cuối năm, các xã, thị trấn lập quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước của đơn vị mình theo quy định, gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch phê duyệt. Đồng thời gửi báo cáo quyết toán ngân sách địa phương đến Thường trực HĐND, các ban của HĐND thẩm tra, cho ý kiến trước khi trình HĐND xã phê duyệt tổng quyết toán.

- Thông qua phê chuẩn quyết toán hàng năm: Sau khi xem xét, phê chuẩn báo cáo quyết toán ngân sách địa phương trình tại kỳ họp giữa năm của năm kế tiếp, HĐND ban hành Nghị quyết về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách, báo cáo UBND huyện tổng hợp.

4. Công tác công khai và kiểm tra, giám sát thực hiện

Thực hiện Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách. Sau khi Quyết định về việc phân bổ dự toán ngân sách được ban hành, công chức Kế toán ngân sách xã, tham mưu thực hiện công khai dự toán thu, chi ngân sách theo quy định.

5. Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 41/2022

- *Ưu điểm:* Sau khi Nghị quyết số 41/2022 của HĐND tỉnh được ban hành ngày 10/12/2022 và có hiệu lực từ ngày 20/12/2022; căn cứ Kế hoạch giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 08/2016 và Nghị quyết số 41/2022 của Thường trực HĐND huyện, Thường trực HĐND, Lãnh đạo UBND các xã, thị trấn đã cập nhật để chỉ đạo công chức Kế toán ngân sách tham mưu thực hiện;

- *Tồn tại, hạn chế:* Mặc dù đã cập nhật nghị quyết, tuy nhiên, các xã, thị trấn chưa căn cứ vào kinh phí được cấp; chưa ban hành Quy định một số chế độ, định mức bảo đảm cho hoạt động của HĐND để thực hiện trong năm 2023.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được: Qua giám sát nhận thấy, thời gian qua Thường trực HĐND các xã, thị trấn đã chủ động phối hợp với UBND triển khai thực hiện Nghị quyết số 08/2016 và Nghị quyết số 41/2022 có hiệu quả; chỉ đạo lập dự toán kinh phí phục vụ cho hoạt động của HĐND hàng năm để thực hiện;

Cùng với ngân sách được huyện phân bổ, một số xã đã quan tâm bố trí ngân sách địa phương thực hiện các chế độ, định mức bảo đảm hoạt động của HĐND theo Nghị quyết số 08/2016 và Nghị quyết số 41/2022, trong 03 năm, từ 2021 đến 2023 đạt mức khá, như: Phong Hóa trên 286 triệu đồng; Lâm Hóa trên

252 triệu đồng; Kim Hóa trên 245 triệu đồng; Hương Hóa trên 205 triệu đồng ... Một số xã đã thực hiện đạt từ 50% nội dung trở lên, năm 2021, có 02 xã đạt 50% (Lê Hóa, Văn Hóa); năm 2022, có 04 xã đạt từ 50% nội dung trở lên (Lê Hóa đạt 56,6%; Mai Hóa đạt 53,3%; Châu Hóa đạt 53,3%; Ngư Hóa đạt 50%).

Mặc dù ngân sách còn hạn hẹp, một số chế độ, định mức bảo đảm hoạt động của HĐND theo Nghị quyết số 08/2016 chưa được đảm bảo, song Thường trực HĐND, các Ban HĐND và các đại biểu HĐND các xã, thị trấn đã khắc phục khó khăn, phát huy cao tinh thần trách nhiệm để nâng chất lượng hoạt động của HĐND của các xã, thị trấn; công tác tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, tiếp nhận và xử lý khiếu nại, tố cáo của công dân được quan tâm; mối quan hệ công tác giữa Thường trực HĐND xã với UBND xã, Ủy ban Mặt trận TQVN xã và các ban ngành liên quan ngày càng được tăng cường. Hoạt động của đại biểu, tổ đại biểu, các Ban HĐND và Thường trực HĐND tiếp tục được nâng lên; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND từng bước được thể hiện rõ nét, đáp ứng yêu cầu xây dựng chính quyền ngày càng trong sạch, vững mạnh.

2. Tồn tại, hạn chế

Việc lập dự toán kinh phí hoạt động hàng năm của HĐND chưa đầy đủ, còn chung chung; công tác tuyên truyền có mặt, có nội dung còn hạn chế, vì vậy các đại biểu HĐND xã chưa nắm được đầy đủ các quy định về chế độ, định mức bảo đảm cho hoạt động của HĐND theo Nghị quyết số 08/2016 của HĐND tỉnh để thực hiện nhiệm vụ và thực hiện chức năng giám sát theo quy định.

Kế toán ngân sách một số xã chưa bám sát các quy định, định mức chi tại Nghị quyết số 08/2016 và ngân sách được phân bổ để tham mưu cho Thường trực HĐND, UBND quyết định nội dung chi, định mức chi phù hợp (không dưới 50% so với mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 08/2016) dẫn đến một số nội dung được chi với mức tối đa nhưng một số nội dung không được chi theo quy định.

Đến nay, Thường trực HĐND các xã, thị trấn chưa ban hành văn bản quy định nội dung chi, mức chi nên kế toán ngân sách xã chưa áp dụng để đối chiếu các chế độ, định mức bảo đảm hoạt động của HĐND được quy định tại Nghị quyết số 08/2016 và Nghị quyết số 41/2022 để tham mưu đề xuất điều chỉnh định mức chi năm 2023 cho phù hợp.

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

Ngân sách đảm bảo nhiệm vụ chi ngân sách địa phương của các xã, thị trấn chủ yếu phụ thuộc vào ngân sách phân bổ từ cấp trên, nên kinh phí thực hiện các chế độ, định mức bảo đảm cho hoạt động của HĐND theo Nghị quyết số 08/2016 và Nghị quyết số 41/2022 của các xã, thị trấn chưa đáp ứng được theo quy định.

Thường trực HĐND các xã, thị trấn chưa nghiên cứu kỹ các nội dung được quy định trong Nghị quyết số 08/2016 và Nghị quyết số 41/2022 để triển khai, tổ chức thực hiện, chưa chủ động yêu cầu kế toán bám Nghị quyết số 08/2016 và Nghị quyết số 41/2022 để lập nhu cầu kinh phí bảo đảm hoạt động của HĐND; chưa thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, định mức theo quy định.

Ban Kinh tế - xã hội các xã, thị trấn trong quá trình thẩm tra chưa có các ý kiến đề xuất, kiến nghị cụ thể để thực hiện tốt nội dung đảm bảo kinh phí cho HĐND hoạt động có hiệu quả.

Kế toán ngân sách một số xã, thị trấn chưa bám sát các nghị quyết dẫn đến tham mưu cho Thường trực HĐND, Lãnh đạo UBND trong việc thực hiện các chế độ, định mức bảo đảm hoạt động của HĐND chưa sát thực, có nhiều nội dung chưa được thực hiện.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với Thường trực HĐND các xã, thị trấn

Chỉ đạo Ban Kinh tế - xã hội HĐND xã, thị trấn thẩm tra kỹ lưỡng dự toán ngân sách địa phương hàng năm để tham mưu cho Thường trực HĐND cho ý kiến trước khi trình HĐND quyết định.

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 41/2022 ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình để đại biểu HĐND nắm và thực hiện chức năng giám sát của mình.

Chỉ đạo Kế toán ngân sách xã tham mưu lập dự toán ngân sách thực hiện Nghị quyết số 41/2022 hàng năm trình UBND tổng hợp; căn cứ vào nguồn kinh phí được cấp, Thường trực HĐND các xã, thị trấn ban hành Quy định một số chế độ, định mức bảo đảm cho hoạt động của HĐND.

Tăng cường giám sát việc thực hiện nghị quyết HĐND các cấp và việc thực thi pháp luật và Luật Ngân sách nhà nước đối với Ủy ban nhân dân cùng cấp.

2. Đối với UBND các xã, thị trấn

Chỉ đạo công chức Kế toán ngân sách căn cứ vào tình hình thực tế ngân sách của địa phương, các quy định của pháp luật để tham mưu lập dự toán thu, chi ngân sách hàng năm phù hợp với điều kiện thực tế nâng cao hiệu quả hoạt động ngân sách trên địa bàn.

Tổng hợp, báo cáo Thường trực HĐND về dự toán thu, chi ngân sách địa phương hàng năm xem xét cho ý kiến trước khi trình HĐND quyết định.

Thực hiện nghiêm túc đầy đủ các bước về thời gian, địa điểm về việc công khai tài chính theo quy định tại Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12

năm 2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

3. Đối với UBND huyện

Căn cứ tình hình ngân sách của huyện, xem xét nâng mức phân bổ ngân sách huyện cho các xã, thị trấn để thực hiện một số chế độ, định mức bảo đảm hoạt động của HĐND theo Nghị quyết số 41/2022 ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình;

4. Đối với HĐND tỉnh

Bổ sung thêm ngân sách cho các huyện khó khăn như huyện Tuyên Hóa để cấp cho các xã, thị trấn nhằm đảm bảo mức chi cho đại biểu HĐND cấp xã theo Nghị quyết HĐND tỉnh.

Có hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phụ cấp trách nhiệm đối với Chủ tịch HĐND xã, thị trấn bằng 0,2 mức lương cơ sở do không được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm đối với những người hoạt động không chuyên trách, được quy định tại khoản 1, Điều 10 của Nghị quyết số 41/2022 tỉnh về quy định “*Chi phụ cấp trách nhiệm cho đại biểu HĐND*”. Do hiện nay, các xã, thị trấn đang thực hiện Văn bản số 2281/SNV-CBCCVC ngày 14/12/2022 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn một số nội dung về quản lý và thực hiện chế độ, chính sách của cán bộ, công chức cấp xã.

Trên đây là báo cáo kết quả giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 08/2016 và Nghị quyết số 41/2022 của HĐND tỉnh về Ban hành Quy định một số chế độ, định mức bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Bình.

Nơi nhận:

- TT HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- UBMTTQ VN huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- TT HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VT.

TM. THƯỜNG TRỰC
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Lự